

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3188/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Thiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng;
2. Ông Chu Mạnh Tường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 389/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4451/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5247/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978

Địa chỉ thường trú: 41 Đường H, khu phố L, phường X, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang A, sinh năm: 1976

Địa chỉ thường trú: 41 Đường H, khu phố L, phường X, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang A tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2000, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước đăng ký ngày 17/01/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp và cư trú tại địa chỉ: 41 đường số H, khu phố L, phường X, thành phố Thủ Đức.

Cuộc sống hôn nhân giữa hai bên không hạnh phúc như mong đợi, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm không còn, có hàn gấn cũng không mang lại hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông A không có trách nhiệm với gia đình, ăn chơi, nghiện ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm pháp luật. Bà Nguyễn Thị N đã nhiều lần cho ông A cơ hội sửa đổi, cai nghiện ma túy nhưng không có kết quả ông A vẫn không thay đổi. Tuy nhiên, vì các con bà N đã cố gắng tạo điều kiện để hàn gấn tình cảm, cho ông A đi cai nghiện nhiều lần nhưng ông A luôn tái nghiện và ngày càng nghiêm trọng hơn. Cuộc sống hôn nhân hai bên mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhiều năm. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có hàn gấn cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quang A để ổn định cuộc sống về sau. Giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang A có người con chung tên Nguyễn Quang Hoàng, sinh ngày 05/02/2002 hiện đã trưởng thành và đủ khả năng lao động và hai người con chưa thành niên tên Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 28/02/2007 và Nguyễn Quang Đăng K, sinh ngày 14/3/2016 bà N yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà Nguyễn Thị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị N tự xác định giữa hai bên không có nợ chung.

(2) Bị đơn ông Nguyễn Quang A đang chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022, ông Nguyễn Quang A xác định: có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị N vào năm 2000, không nhớ tên phường cụ thể, chỉ nhớ là có đăng ký kết hôn tại thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Ông Nguyễn Quang A xác nhận quá trình chung sống giữa hai bên hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, mà nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do giữa hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, ông A không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Ông A xác định giữa hai bên có ba người con chung, tên Nguyễn Quang Hoàng, sinh ngày 05/02/2002, Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 28/02/2007 và Nguyễn Quang Đăng K, sinh ngày 14/3/2016. Trường hợp bà Nguyễn Thị N cương quyết ly hôn thì ông A có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, ông A xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung, ông Nguyễn Quang A xác định không có. Bị đơn ông Nguyễn Quang A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo đúng quy định.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Bị đơn ông Nguyễn Quang A tiếp tục vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử

và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang A vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quang A là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Quang A đăng ký cư trú tại địa chỉ: 41 Đường số 4, khu phố 3, phường X, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quang A vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đề nghị được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước đăng ký ngày 17/01/2000, có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang A có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ theo quy định của Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do ông Nguyễn Quang A thiếu trách nhiệm với gia đình, sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy nhiều năm. Xét thấy, một trong hai bên không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang A thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối giữa các bên đương sự phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 83, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân phường T, huyện Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đăng ký ngày 27/02/2022, Giấy khai sinh số 118, quyển số 2007 ngày 22/3/2007 và bản sao giấy khai sinh số 357/TLKS-BS ngày 22/4/2016 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang

A có người con chung tên Nguyễn Quang Hoàng, sinh ngày 05/02/2002 hiện tại đã trưởng thành và đủ khả năng lao động và hai con người con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 28/02/2007 và Nguyễn Quang Đăng K, sinh ngày 14/3/2016. Nhận thấy, hiện tại ông Nguyễn Quang A đang trong thời gian chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con. Hiện tại, bà Nguyễn Thị N là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với ba con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu được nuôi con của bà N là nguyện vọng chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Quang A cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về nghĩa vụ chung (nợ chung)*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Quang A.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang A có ba người con chung là Nguyễn Quang Hoàng, sinh ngày 05/02/2002 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động), Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 28/02/2007 và Nguyễn Quang Đăng K, sinh ngày 14/3/2016. Giao hai con chung có tên Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 28/02/2007 và Nguyễn Quang Đăng K, sinh ngày 14/3/2016 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Quang A cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị N tự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0058845 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Thiên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







